TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2022
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2022, về: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Viết T, sinh năm: 1980
Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm: 1988
Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2022, bản tự khai ngày 06/9/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Viết T trình bày: Ông và bà Ngô Thị N tự nguyện tìm hiểu được 01 năm và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hoằng Long, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Long Anh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2012, cấp ngày 17/02/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không còn quan tâm nhau. Ông T xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Ngô Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Võ Phương Anh, sinh ngày

03/02/2013 và cháu Võ Mạnh Trường, sinh ngày 11/3/2019. Tại phiên tòa ông yêu cầu giao hai con chung cháu Trường và cháu Anh cho bà Ngô Thị N trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, trung bình 2.000.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 10/2022 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/9/2022, bị đơn bà Ngô Thị N trình bày:

Quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như ông T trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên chửi bới, đánh đập bà nhưng vì nghĩ đến con cái nên bà cố gắng chịu đựng, cho cơ hội nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy, vợ chồng không còn quan tâm nhau, đời sống chung không thể kéo dài, bà xác định tình cảm không còn nữa, nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà xác định đúng như ông T trình bày. Bà yêu cầu được trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng, trung bình mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, ông Võ Viết T và bà Ngô Thị N được ly hôn. Về con chung: Giao cháu Võ Phương Anh, sinh ngày 03/02/2013 và cháu Võ Mạnh Trường, sinh ngày 11/3/2019 cho bà Ngô Thị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng, trung bình mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi hai con chung kể từ tháng 10/2022 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Viết T yêu cầu ly hôn bà Ngô Thị N. Yêu cầu của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú ổn định. Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

Bà N đã được Tòa án tống đạt thông báo, quyết định hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông T và bà N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường A, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2012. Do đó, hôn nhân giữa ông T và chị N là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nhận thấy giữa ông T và bà N thừa nhận không còn tình cảm, vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, ông T yêu cầu ly hôn và bà N đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông T yêu cầu được ly hôn bà N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông T yêu cầu giao hai con chung cháu Võ Phương Anh, và cháu Võ Mạnh Trường cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Anh có nguyện vọng được chung sống cùng bà N. Riêng cháu Trường mới hơn 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ, hơn nữa bà N có điều kiện, nơi ở ổn định để chăm sóc con cái, ông T là Quân nhân chuyên nghiệp, thời gian và đặc thù công việc khó đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và lời khai của ông T cũng thể hiện trong thời gian tới ông cũng không đảm bảo vấn đề chăm sóc cháu Trường và tại phiên tòa ông T yêu cầu giao cả hai con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, ông T yêu cầu cấp dưỡng hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, bình quân 2.000.000 đồng (trung bình quân mỗi cháu 4.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, các đương sự không thỏa thuận được mức cấp dưỡng. Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng của ông T là chưa phù hợp mức chi phí sinh hoạt trung bình của 2 con chung hiện nay và với mức lương thu nhập của ông T (15.000.000 đồng/tháng). Do đó Hội đồng xét xử buộc ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (trung bình mỗi cháu mỗi tháng là 3.000.000 đồng) là có cơ sở và phù hợp với Điều 82, Điều 108, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Ông Võ Viết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 320, Điều 321 và Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 108, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Viết T, ông Võ Viết T được ly hôn bà Ngô Thị N.

2. Về con chung: Bà Ngô Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Phương Anh, sinh ngày 03/02/2013 và cháu Võ Mạnh Trường, sinh ngày 11/3/2019.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) (trung bình mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con chung kể từ tháng 10/2022 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, ông T và bà N hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

4. *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Ông Võ Viết T nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo thủ tục rút gọn về "Cấp dưỡng nuôi con chung" và nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0007283 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy, ông Võ Viết T còn phải nộp 150.000 đồng.

Quy định: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Võ Viết T có quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường A, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ, án văn